TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST Ngày: 28-4-2022 V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc;

2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 557/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1987; Thường trú: Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh T;

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Đường T, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh B;

Nguyên đơn Bà H vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 11/11/2022, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

Bà H và ông T chung sống với nhau từ năm 2014 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường H, thành phố T, Thành phố H theo

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 141/2014, quyển số 01/2014 ngày 18/6/2014.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc. Tuy nhiên, đến cuối năm 2021 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gây gổ, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Ông T thường xuyên say xỉn, bạo hành Bà H. Cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, vợ chồng sống không có tình cảm, không còn hạnh phúc. Hiện nay Bà H không sống cùng ông T mà đưa con về quê tại ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh T sinh sống và làm việc. Nay, Bà H xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Thế T.

Quá trình chung sống Bà H và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh ngày 18/4/2015. Bà H nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, Bà H không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Thế T trình bày:*

Ông T thống nhất với trình bày của Bà H về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn và về con chung. Trước yêu cầu xin ly hôn của Bà H thì ông T xác định không đồng ý ly hôn, không đồng ý giao con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh ngày 18/4/2015 cho Bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì ông T mong muốn đoàn tụ gia đình cho con ăn học đàng hoàng.

Trong trường hợp Bà H kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh ngày 18/4/2015, không yêu cầu Bà H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn phiên tòa vào các ngày 11/4/2023 và ngày 28/4/2023 nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa Bà H và ông T do Tòa án tiến hành ngày 28/02/2023, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:

Quá trình bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thế T sinh sống tại địa phương chính quyền không nhận được đơn thư hay trình báo gì về việc Bà H và ông T có xảy ra mâu thuẫn trong gia đình. Nên chính quyền địa phương không biết được mâu thuẫn giữa vợ chồng Bà H và ông T là gì cũng như công việc, thu nhập của họ nên không cung cấp thông tin được cho Tòa án.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa Bà H và ông T là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1988 có địa chỉ cư trú tại đường T, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh B nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Thế T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 11/4/2023 và ngày 28/4/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thế T chung sống với nhau từ năm 2014 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 141/2014, quyển số 01/2014 ngày 18/6/2014 của Uỷ ban nhân dân phường H, thành phố T, Thành phố H. Như vậy, hôn nhân giữa Bà H và ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà H trình bày trong quá trình chung sống đến cuối năm 2021 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gây gổ, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Ông T thường xuyên say xỉn, bạo hành Bà H. Cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, vợ chồng sống không có tình cảm, không còn hạnh phúc. Bà H hiện không sống cùng ông T mà đưa con về quê tại ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh T sinh sống và làm việc. Nay, Bà H xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống

được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xin ly hôn với ông Nguyễn Thế T.

Ông T thống nhất với trình bày của Bà H về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn và về con chung. Trước yêu cầu xin ly hôn của Bà H thì ông T xác định không đồng ý ly hôn, không đồng ý giao con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh ngày 18/4/2015 cho Bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì ông T mong muốn đoàn tụ gia đình cho con ăn học đàng hoàng. Trong trường hợp Bà H kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành triệu tập nguyên đơn, bị đơn đến tham gia phiên tòa vào các ngày 11/4/2023 và ngày 28/4/2023 nhưng nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt không lý do.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải quan tâm, quý trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Hiện nay nguyên đơn và bị đơn đã không còn chung sống với nhau, đồng thời nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 11/4/2023 và ngày 28/4/2023 nhưng vắng mặt không có lý do đã thể hiện Bà H và ông T không có thiện chí và không mong muốn hòa giải đoàn tụ với nhau; hai bên cũng không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân của Bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc Bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống Bà H và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh ngày 18/4/2015. Bà H nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình tham gia tố tụng ông T trình bày ông T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh ngày 18/4/2015, không yêu cầu Bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng Tòa án đã có Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ số 557/TB-TA Dĩ An, ngày 27 tháng 02 năm 2023 yêu cầu bà H và ông T cung cấp tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân của vợ chồng, nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung, nghề nghiệp, nơi ở, nơi làm việc, thu nhập của mỗi người. Nguyên đơn cung cấp được giấy xác nhận của Cơ sở may tư nhân tại ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh T có xác nhận của chính quyền địa phương. Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 18/4/2015 cho đến nay mới được 8 tuổi, là nữ giới, hiện đang sống cùng bà H. Do đó, giao cháu Nguyễn Hồng N cho Bà H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là đảm bảo

tốt nhất quyền lợi mọi mặt của các con, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H đối với ông Nguyễn Thế T về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Thế T (Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 141/2014, quyển số 01/2014 ngày 18/6/2014 của Uỷ ban nhân dân phường H, thành phố T, Thành phố H).

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Thế T giao con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh ngày 18/4/2015 cho bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim H về việc không yêu cầu ông Nguyễn Thế T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thế T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà Bà H đã nộp theo biên lai thu số 0000769 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hải Nam